

Bản án số: 679/2022/DS-PT

Ngày 23 – 9 – 2022

V/v kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các thẩm phán:

Ông Lê Thành Long

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 279/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 về “*Kiện đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1677/2022/QĐ-PT ngày 25/8/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L; địa chỉ: Tổ dân phố Nghĩa Tín, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường Nghĩa Tân, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 13-10-2021*) – Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H; địa chỉ: 45, Lane 379, zone 2, JingLing street, Pingzhen distrist, Taiwan – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Bùi Quang T; địa chỉ: Văn phòng luật sư Hoài An, số 21, tổ dân phố 02, phường Nghĩa Tân, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 12-01-2022*) – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trần Duy T; địa chỉ: Tổ dân phố Nghĩa Tín, phường Q, thành phố G, tỉnh

Đắk Nông – Văng mặt.

Chị Trần Thị Vân A; địa chỉ: Tổ 02, phường Nghĩa Phú, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Văng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-8-2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2017, bà Phạm Thị L có cho bà Lê Thị H vay tiền 03 lần với tổng số tiền 700.000.000 đồng: Lần thứ nhất cho vay 550.000.000 đồng, lần thứ hai cho vay 100.000.000 đồng, lần thứ ba cho vay 50.000.000 đồng (*không nhớ ngày cụ thể*). Do tin tưởng bà Lê Thị H nên bà Phạm Thị L chỉ đưa tiền mà không lập văn bản, giấy tờ gì. Sau đó bà Lê Thị H viết giấy ghi lại số tiền bà Phạm Thị L đã cho bà Lê Thị H vay. Ngày 15-02-2017, bà Phạm Thị L viết thêm ở cuối tờ giấy nội dung: “*Tổng số tiền vay 3 lần là 7 trăm triệu đồng (700.000.000đ) hẹn ngày 31-12-2017 trả*”. Lãi suất thỏa thuận miệng 1.5%/tháng, thời hạn trả toàn bộ gốc và lãi vào cuối năm 2017. Tuy nhiên, đến nay bà Lê Thị H vẫn chưa trả khoản tiền nào cho bà Phạm Thị L. Do đó, bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H phải trả toàn bộ số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ tháng 01-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Do có mâu thuẫn trong cuộc sống nên bà Lê Thị H làm thủ tục ly hôn với ông Trần Duy T. Để được chia phần tài sản nhiều hơn, bà Lê Thị H đã nhờ một số người thân thiết đứng ra nhận cho bà Lê Thị H vay tiền, trong đó có bà Phạm Thị L. Tờ giấy mà bà Phạm Thị L sử dụng để kiện bà Lê Thị H là lấy số liệu từ cuốn sổ bán hàng của bà Lê Thị H thể hiện nội dung mua bán hàng hóa giữa hai người, phù hợp về thời gian và số tiền vay; thực tế không có việc giao nhận tiền. Ngày viết giấy là ngày 30-12-2017 nhưng bà Phạm Thị L sửa thành ngày 30-12-2016 để cho rằng bà Lê Thị H vay tiền của bà Phạm Thị L vào năm 2016. Tháng 02-2018, bà Lê Thị H thỏa thuận được việc ly hôn và phân chia tài sản với ông Trần Duy T và đề nghị bà Phạm Thị L trả lại tờ giấy ghi nợ thì bà Phạm Thị L nói đã thất lạc nên không đưa cho bà Lê Thị H. Ngoài bà Phạm Thị L thì bà Lê Thị H còn nhờ một số người khác đứng tên nhận nợ, những người này đều thừa nhận bà Lê Thị H chỉ nhờ đứng tên để được nhận tài sản nhiều hơn khi ly hôn chứ không có việc giao nhận tiền trên thực tế. Việc bà Phạm Thị L cho bà Lê Thị H vay số tiền lớn nhưng không lập hợp đồng vay ghi đầy đủ thông tin là mâu thuẫn. Do đó, bà Lê Thị H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Trần Duy T: Ông là chồng cũ của bà Lê Thị H, ông không biết bà Lê Thị H có vay tiền của bà Phạm Thị L hay không. Khoảng năm 2015-2016, ông vay của bà Phạm Thị L số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để mua rẫy; hai bên có lập giấy vay tiền, số tiền này ông đã trả cho bà Phạm Thị L. Đối với việc bà Lê Thị H

cho rằng khi làm thủ tục ly hôn với ông, bà Lê Thị H đã nhờ một số người (*trong đó có bà Phạm Thị L*) đứng tên viết giấy vay nợ để được chia phần tài sản nhiều hơn thì ông không biết, vì khi làm thủ tục ly hôn bà Lê Thị H không đề cập đến khoản nợ này.

- *Chị Trần Thị Vân A*: Chị là con gái của bà Lê Thị H; khoảng năm 2017 (*không nhớ chính xác*) bố mẹ chị xảy ra mâu thuẫn nên làm thủ tục ly hôn, bà Lê Thị H có nhờ một số người (*trong đó có bà Phạm Thị L*) đứng tên xác nhận bà Lê Thị H còn nợ họ một số tiền nhằm mục đích được chia phần tài sản nhiều hơn khi ly hôn, thực tế không có việc giao nhận tiền. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị H nhờ chị đi thu hồi các giấy nợ, chị đã thu hồi giấy nợ của những người khác nhưng giấy nợ của bà Phạm Thị L thì bà Phạm Thị L cho rằng đã thất lạc nên không đưa cho chị. Thực tế giữa bà Lê Thị H và bà Phạm Thị L không có việc vay mượn tiền, đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DSST ngày 11/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 155, khoản 1 Điều 166, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà Phạm Thị L tổng số tiền gốc là 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/5/2022 bị đơn bà Lê Thị H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 23/5/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông có quyết định kháng nghị số 1845/QĐ-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao rút toàn bộ kháng nghị số 1845/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của bà Lê Thị H: Căn cứ kết luận giám định của cơ quan chức năng khẳng định bà Lê Thị H là người trực tiếp viết và xác nhận nhiều lần vay tiền của bà Phạm Thị L số tiền 700.000.000 đồng. Bà Lê Thị H khai việc viết giấy nợ với bà Phạm Thị L là nhằm để khi ly hôn được chia tài sản nhiều hơn, lời trình bày này không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị H không có chứng cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bởi vì:

[1] Căn cứ vào Kết luận giám định số: 37-GĐTL/PC54 ngày 16-5-2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ “*Dương*” thuộc dòng thứ nhất; chữ số “*2016*” thuộc dòng thứ hai; chữ “*triệu đồng*” thuộc dòng thứ ba; chữ “*triệu*” thuộc dòng thứ tư, thứ năm; dòng chữ viết, chữ số “*Tổng số tiền là 700 triệu*” thuộc dòng thứ sáu; dòng chữ viết “*bảy trăm triệu đồng chẵn*” thuộc dòng thứ bảy; chữ “*Người vay*” thuộc dòng thứ tám tính từ trên xuống so với chữ số, chữ viết của bà Lê Thị H là do cùng một người viết ra. Mặc dù trong quyết định giám định ghi tên Lê Thị Huệ, nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Tòa án cung cấp để giám định đều thể hiện tên Lê Thị H, vì vậy, có căn cứ xác định trong kết luận giám định có sự sai sót do lỗi đánh máy. Mặt khác, bà Lê Thị H cũng đã thừa nhận chứng cứ bà Phạm Thị L cung cấp là do bà Lê Thị H viết ra. Do đó, có căn cứ công nhận giấy ghi nợ và xác định tổng số tiền bà Lê Thị H đã vay của bà Phạm Thị L là 700.000.000 đồng. Việc Bà Lê Thị H cho rằng ngày viết giấy là 30-12-2017 nhưng bà Phạm Thị L sửa thành ngày 30-12-2016 là không phù hợp với kết luận giám định, vì chữ số “*2016*” do chính bà Lê Thị H viết.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị H thừa nhận chữ ký theo kết quả giám định của bà là đúng nhưng bà cho rằng thực tế bà không vay tiền của bà Phạm Thị L mà chỉ nhờ bà Phạm Thị L đứng tên ghi nợ để bà được chia phần tài sản nhiều hơn khi ly hôn với ông Trần Duy T. Tuy nhiên, xét trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa bà Lê Thị H với ông Trần Duy T tại Tòa án nhân dân thành phố G, bà Lê Thị H không trình bày về khoản nợ này. Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai ngày 03-3-2022, ông Trần Duy T cũng khai nhận khi làm thủ tục ly hôn với ông, bà Lê Thị H không đề cập đến khoản nợ mà bà Lê Thị H cho rằng đã nhờ bà Phạm Thị L đứng tên nhận giúp.

Xét Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không có thêm tình tiết mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm là phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ nên được chấp nhận.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H; Giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 155, khoản 1 Điều 166, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà Phạm Thị L tổng số tiền gốc là 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Lê Thị H đã nộp theo Biên lai thu số 0000107 ngày 20/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông thành án phí phúc thẩm.

Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM(1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM(1);
- TAND tỉnh Đắk Nông(1);
- VKSND tỉnh Đắk Nông(1);
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông(1);
- NĐ(1);
- BĐ(1);
- NLQ(2);
- Lưu HS (1), VP (2) THUY 14b.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thành Văn